

Số: 26 /KH-UBND

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 01 năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020, tỉnh Thanh Hóa

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; giảm tỷ lệ mắc, tử vong do một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, kiểm soát tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh học đường, bảo đảm sức khỏe cộng đồng; nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm; bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh về máu; khống chế và giảm tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng giảm tác hại do HIV/AIDS đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; duy trì mức sinh thay thế, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tăng cường công tác kết hợp quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân vùng biên giới, biển đảo và vùng trọng điểm an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể các dự án thành phần

2.1. Nhóm 1: Các dự án Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, các bệnh không lây nhiễm phổ biến và dự án phòng, chống HIV/AIDS

2.1.1. Hoạt động phòng, chống lao

- Số huyện có công tác chống lao (CTCL): 27 huyện.
- Xã, phường có CTCL: 635 xã, phường, thị trấn.
- Giảm tỷ lệ mắc lao dưới 131/100.000 dân.
- Tổng số bệnh nhân (BN) lao các thể đang điều trị: 3.148 người.
- Số BN lao AFB (+) mới đăng ký điều trị: 1.516 người.
- Tỷ lệ điều trị khỏi BN lao phổi AFB (+) mới: 90%.
- Tỷ lệ số huyện không thiếu thuốc, trang bị xét nghiệm và các cung ứng y tế khác: 100%.

2.1.2. Hoạt động phòng, chống phong

- Tỷ lệ phát hiện: 0,1%.
- Tỷ lệ tàn tật độ II/BN mới: 20%.

- Duy trì 100% bệnh nhân phong dị hình tàn tật được chăm sóc y tế, trong đó 50% bệnh nhân tàn tật được phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng.
- Tổng số người được khám phát hiện: 295.200 người.
- Số bệnh nhân mới được phát hiện: 2 bệnh nhân.
- Số bệnh nhân đa hóa trị liệu: 5 bệnh nhân.
- Số bệnh nhân được chăm sóc tàn tật: 200 bệnh nhân.

2.1.3. Hoạt động phòng, chống sốt rét

- Số bệnh nhân sốt rét: 0,19/1.000 dân. Không có bệnh nhân tử vong do sốt rét.
- Dân số được bảo vệ bằng hóa chất: 85.000 dân, trong đó:
 - + Dân số được bảo vệ bằng tấm màn: 80.000 dân.
 - + Dân số được bảo vệ bằng phun hóa chất: 5.000 dân.
- Số lượt bệnh nhân được điều trị sốt rét: 500 lượt người.
- Số lam phát hiện: 50.000 lam.

2.1.4. Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết

- Tỷ lệ mắc sốt xuất huyết trên 100.000 dân đạt 4,56/100.000 dân;
- Không chế tỷ lệ chết/mắc hàng năm do sốt xuất huyết <0,09%;
- 40% số bệnh nhân nghi mắc sốt xuất huyết được chẩn đoán huyết thanh (test nhanh hoặc Elisa);
- Tỷ lệ bệnh nhân trong ổ dịch sốt xuất huyết tập trung được xét nghiệm PCA là 3%;
- 7,87% số xã trên địa bàn tỉnh có điểm giám sát véc-tơ thường xuyên (50 xã gồm 34 xã điểm và 16 xã nguy cơ cao);
- 5,35% số xã trên địa bàn tỉnh (34 xã điểm) triển khai chiến dịch phun hóa chất diệt muỗi chủ động phòng chống dịch sốt xuất huyết 11 lần/1 năm;

2.1.5. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần

- Triển khai: tại 163 xã; trong đó duy trì: TTPL 143 xã; triển khai mới 20 xã.
- Phát hiện quản lý bệnh nhân: 4.329 bệnh nhân; trong đó: duy trì điều trị: TTPL 4.329 bệnh nhân; triển khai mới: 240 bệnh nhân.
- Điều trị ổn định: 3.030 bệnh nhân;
- Giảm tỷ lệ hành vi gây rối xuống dưới 30%; giảm tỷ lệ hành vi nguy hại xuống dưới 25%; giảm tỷ lệ mãn tính tàn phế xuống dưới 20%;
- Duy trì 88% số xã, phường quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt;
- Duy trì 80% số xã, phường quản lý bệnh nhân động kinh;
- Duy trì 20% số xã, phường quản lý bệnh nhân rối loạn trầm cảm;
- Quản lý, điều trị và phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 85% số bệnh nhân tại các xã, phường đã được triển khai.

2.1.6. Hoạt động phòng, chống ung thư

- Tỷ lệ người dân hiểu biết đúng về bệnh ung thư: 50%
- Sàng lọc phát hiện sớm 20% số người mắc ung thư khoang miệng, vú, cổ tử cung, đại trực tràng;
- Tỷ lệ Y, Bác sỹ chuyên ngành ung thư được tham gia đào tạo tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn: 80%
- Tỷ lệ bệnh nhân đến khám và điều trị ung thư được ghi nhận có xét nghiệm giải phẫu bệnh lý: 35%

2.1.7. Hoạt động phòng, chống tim mạch

- Tỷ lệ người được khám sàng lọc tăng huyết áp đạt 50%;
- Tỷ lệ đạt 30% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị tăng huyết áp theo hướng dẫn chuyên môn;
- Nâng cao nhận thức của nhân dân về phòng chống và kiểm soát bệnh tăng huyết áp, tăng tỷ lệ cho người được hiểu biết đúng: 50%;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực làm công tác dự phòng và quản lý bệnh nhân tăng huyết áp;
- Xây dựng, triển khai và duy trì bền vững mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp.

2.1.8. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng chống các rối loạn do thiếu I-ốt:

- Tỷ lệ người có nguy cơ đái tháo đường được phát hiện 40%, trong đó 40% được quản lý, điều trị;
- Khống chế tỷ lệ tiền đái tháo đường <20% ở người 30-69 tuổi và khống chế tỷ lệ đái tháo đường <10% ở người 30-69 tuổi;
- Tổ chức khám sàng lọc 30 xã tại 6 huyện, cho người bị tiểu đường: 300 ca;
- Giảm tỷ lệ bướu cổ trẻ em từ 8-10 tuổi <8%.

2.1.9. Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) và hen phế quản

- Tỷ lệ người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm trước khi có biến chứng: 35%;
- Tỷ lệ người mắc bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen: 35%, trong đó 15% đạt kiểm soát hen hoàn toàn.

2.1.10. Hoạt động Y tế trường học

- Giảm tỷ lệ mắc mới các bệnh tật ở trẻ mầm non, học sinh phổ thông như: cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường so với tỷ lệ mắc mới năm 2015: 30%;

- Tỷ lệ trẻ mầm non, học sinh phổ thông được sàng lọc, tư vấn điều trị cận thị, cong vẹo cột sống, thừa cân, béo phì, bệnh răng miệng, rối loạn tâm thần học đường: 90%;
- Tỷ lệ học sinh ở vùng nguy cơ cao được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm: 85%;
- Nâng cao nhận thức của học sinh về lĩnh vực y tế học đường, tăng tỷ lệ cho học sinh được hiểu biết đúng: 50%.

2.1.11. Dự án Tiêm chủng mở rộng

- Duy trì tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 90%;
- Duy trì tỷ lệ tiêm phòng vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai đạt trên 90%;
- Tỷ lệ tiêm AT cho phụ nữ 15–16 tuổi và phụ nữ tuổi sinh đẻ vùng nguy cơ cao đạt trên 90%;
- Tỷ lệ tiêm vắc xin Viêm não Nhật Bản B cho trẻ 13-36 tháng tuổi đạt trên 90%;
- Tăng tỷ lệ tiêm vắc xin VGB cho trẻ trong vòng 24h sau sinh đạt trên 80%;
- Duy trì thành quả thanh toán bại liệt, không để bại liệt quay trở lại (không có trường hợp Bại liệt do vi rút hoang dại);
- 100% số huyện trong tỉnh đạt tiêu chuẩn loại trừ uốn ván sơ sinh;
- Giảm tỷ lệ mắc các bệnh /100.000 dân:
 - + Sởi: <1/100.000 dân;
 - + Bạch hầu: <0,01/100.000 dân;
 - + Ho gà: <0,1/100.000 dân.
- Đảm bảo các cơ sở thực hiện tiêm chủng có đầy đủ điều kiện tiêm chủng theo quy định tại Thông tư 12/2014/TT-BYT ngày 20/3/2014 của Bộ Y tế;
- Giám sát, báo cáo và xử lý kịp thời 100% các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng.

2.1.12. Dự án phòng, chống HIV/AIDS

- Giảm tỷ lệ số trường hợp nhiễm mới HIV do lây nhiễm qua đường tiêm chích ma túy 25%, do lây nhiễm qua đường tình dục 20%, so với năm 2015;
- Đạt mục tiêu 90-90-90 (90% số người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng nhiễm HIV của mình; 90% số người đã chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị thuốc kháng vi rút (ARV); 90% số người điều trị ARV có tải lượng vi rút HIV thấp dưới ngưỡng ức chế)
- Số mẫu xét nghiệm giám sát phát hiện: 5.000 mẫu; số mẫu xét nghiệm giám sát trọng điểm: 500 mẫu;
- Số bệnh nhân người lớn được điều trị ARV: 4.000 bệnh nhân;
- Số người nghiện ma túy được điều trị Methadone là 3.500 người;
- Tỷ lệ người nhiễm HIV được quản lý, chăm sóc và tư vấn: 90%

- Tỷ lệ cán bộ y tế bị phơi nhiễm được điều trị: 100%
- Tỷ lệ phụ nữ có thai phát hiện nhiễm HIV (+) được tư vấn, điều trị và chăm sóc là: 100%.

2.1.13. Dự án đảm bảo máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học

- Đạt tỷ lệ 60% số bệnh nhân mắc bệnh ưa chảy máu (bệnh Hemophilia) được chẩn đoán và quản lý; 100% số bệnh nhân mắc bệnh tan máu bẩm sinh (bệnh thalassemia) có đủ khả năng chẩn đoán và điều trị;
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực làm công tác an toàn truyền máu;
- Xây dựng, triển khai các hoạt động hiến máu nhân đạo.

2.2. Nhóm 2: Dự án Dân số và phát triển

2.2.1. Hoạt động Dân số - KHHGD

a. Chỉ tiêu Dân số và giảm sinh

- Dân số trung bình: 3.706.061 người;
- Tỷ suất sinh: 13,2 ‰;
- Mức giảm tỷ suất sinh: 0,15‰;
- Tỷ suất tăng dân số tự nhiên: 6.5‰;
- Mức giảm sinh con thứ 3 trở lên: 0,5‰;
- Nâng tỷ lệ bà mẹ mang thai được sàng lọc trước sinh lên 20%, tỷ lệ trẻ em mới sinh được sàng lọc sơ sinh lên 46,8%;
- Tỷ số giới tính khi sinh: 117,4 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

b. Chỉ tiêu Kế hoạch hóa gia đình

- Đặt vòng: 34.220 người.
- Đình sản nam, nữ: 100 người;
- Bao cao su: 39.700 người;
- Uống viên tránh thai: 36.460 người;
- Mới cấy thuốc tránh thai: 350 ca;
- Tiêm tránh thai: 1.280 người;
- Tỷ lệ sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại là: 75,5%.

2.2.2. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Duy trì chất lượng chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh:
 - + Tỷ lệ quản lý thai nghén/tổng số phụ nữ đẻ đạt: 95%;
 - + Tỷ lệ khám thai trong thai kỳ từ 3 lần trở lên đạt: 85% khu vực đồng bằng và 65% ở khu vực miền núi;

- + Tỷ lệ bà mẹ đẻ do cán bộ y tế can thiệp đạt: 98%;
- Giảm tỷ lệ trẻ đẻ nhẹ cân <2.500g so với năm 2017: 0,4%;
- Giảm tai biến sản khoa từ 0,35% xuống 0,32%;
- Giảm 20% số tử vong mẹ so với năm 2017;
- Giảm 10% tỷ lệ nạo hút thai so với năm 2017;
- Tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi: 11‰;
- Tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi: 16‰;
- Tỷ suất chết mẹ xuống còn 52/100.000 trẻ đẻ sống.

2.2.3. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

- Duy trì trẻ từ 6 – 60 tháng tuổi được uống Vitamin A đạt trên 99%;
- Nâng tỷ lệ bà mẹ sau sinh trong vòng 1 tháng được uống vitamin A $\geq 70\%$;
- Giảm tỷ lệ SDD ở trẻ < 5 tuổi thể nhẹ cân: 13%;
- Giảm tỷ lệ SDD ở trẻ < 5 tuổi thể thấp còi: <21,8%.

2.3. Nhóm 3: Dự án an toàn thực phẩm

- Giảm 5% số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trung bình giai đoạn 2016-2020 so với trung bình giai đoạn 2011-2015;
- Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận trên 100.000 dân: <7 ca;
- 90% phòng kiểm nghiệm thực phẩm đạt tiêu chuẩn TCVN ISO/TEC 17025:2005;
- 80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người tiêu dùng và người quản lý được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm;
- Tỷ lệ mẫu vượt mức cho phép/tổng số mẫu được kiểm tra an toàn thực phẩm trong các chương trình giám sát về an toàn thực phẩm nông sản <6%.

2.4. Nhóm 4: Dự án Quân dân y kết hợp và Dự án Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

2.4.1. Dự án quân dân y kết hợp

- Xây dựng tiềm lực quốc phòng: hỗ trợ tạo nguồn, quản lý, kiểm tra, rà soát, sắp xếp bảo đảm đủ quân số, định kỳ khám sức khỏe, bổ sung số theo dõi sức khỏe đối với toàn bộ quân nhân dự bị động viên (về tuổi, trình độ chuyên môn, chính trị, sức khỏe), đề nghị bổ nhiệm theo các Quyết định số: 20, 21, 22/QĐ-TM ngày 02/01/2009 của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam; tổ chức đào tạo, huấn luyện, báo động kiểm tra quân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật theo Quyết định số: 1761/QĐ-TTg ngày 04/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; đào tạo tập huấn về ngoại khoa dã chiến cho bộ phận tiếp nhận phân loại hộ tống, hồi sức cấp cứu và ngoại khoa chiến thương;

- Kết hợp lực lượng quân dân y trong tổ chức khám, chữa bệnh cơ động cho các đối tượng chính sách, nạn nhân nhiễm chất độc Dioxin, đồng bào dân tộc, người nghèo, hoạt động lồng ghép khám, chữa bệnh, phòng chống dịch đột xuất với khắc phục hậu quả thiên tai, địch họa và củng cố quốc phòng, an ninh;

- Tổ chức tuyên truyền về các hoạt động kết hợp quân dân y, củng cố y tế cơ sở, đặc biệt là Trạm y tế kết hợp quân dân y tại các xã biên giới;

- Diễn tập tác chiến khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện, thị xã, thành phố trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện vận hành Cơ chế 02/BCT của Bộ Chính trị. Kết hợp diễn tập chiến đấu trị an với phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy rừng, phòng chống cháy nổ.

2.4.2. Dự án Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ cán bộ thuộc các dự án của chương trình;

- Đầu tư xây mới, hoàn thiện các dự án dở dang về cơ sở vật chất và trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

- Các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức thực hiện truyền thông phòng chống các bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm theo đúng quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- 100% lịch kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất về quá trình thực hiện các dự án thuộc chương trình được thực hiện.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp chung:

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Các chỉ tiêu y tế - dân số phải được đưa vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách từ trung ương và địa phương hỗ trợ;

- Mở rộng và tăng cường sự tham gia của các tổ chức chính trị- xã hội, ban, ngành đoàn thể và người dân trong việc giám sát thực hiện các hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số (CTMTYT-DS);

- Thực hiện lồng ghép các hoạt động của CTMTYT-DS với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành y tế giai đoạn 2016-2020 và với các Dự án, Chương trình khác đang cùng được thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh;

- Huy động toàn bộ mạng lưới nguồn nhân lực y tế, từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh tham gia thực hiện các hoạt động của CTMTYT-DS theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học dựa trên cơ sở thực tiễn của từng vùng trên địa bàn toàn tỉnh. Áp dụng có chọn lọc và phù hợp với những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến để thực hiện các mục tiêu của chương trình.

2. Giải pháp chuyên môn:

- Tập trung chỉ đạo, điều hành về mặt quản lý nhà nước đối với các hoạt động, dự án của CTMTYT-DS. Các hoạt động, dự án phải thực hiện đúng quy chế quản lý về tài chính theo quy định hiện hành và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nâng cao vai trò trách nhiệm của người được phân công quản lý: chủ dự án thành phần, cán bộ phụ trách theo dõi về chuyên môn nghiệp vụ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra;

- Tổ chức tốt việc chỉ đạo tuyến, giám sát dịch tễ, đặc biệt chú ý vùng trọng điểm dịch, vùng có tỷ lệ mắc và chết cao vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới khu dân cư đông, nơi có biến động dân cư lớn để phát hiện kịp thời các bệnh dịch, tập trung xử lý triệt để, không chế không cho dịch lây lan;

- Phối hợp tốt công tác phòng chống dịch với công tác điều trị tại các cơ sở khám chữa bệnh; phát huy năng lực hiện có trong mỗi đơn vị cơ sở như: An toàn trong truyền máu, xét nghiệm, chẩn đoán, quản lý chăm sóc và tư vấn về tình hình bệnh tật cho người bệnh cũng như trong nhân dân tốt hơn;

- Các dự án phải tăng cường củng cố mạng lưới chuyên khoa từ tỉnh đến cơ sở, chú trọng đào tạo và đào tạo lại, đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, có năng lực và kinh nghiệm thực tiễn về quản lý điều hành;

- Triển khai truyền thông các nội dung CTMTYT-DS, tập trung tuyên truyền có trọng tâm, trọng điểm về các bệnh thường gặp, bệnh truyền nhiễm, bệnh không lây nhiễm, dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, mất cân bằng giới tính khi sinh, an toàn thực phẩm, phòng, chống HIV/AIDS ... trên đài phát thanh, đài truyền hình, báo giấy, báo điện tử, Internet ... trên địa bàn toàn tỉnh;

- Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện các mục tiêu, hoạt động của các dự án từ tuyến tỉnh đến tận cơ sở để đánh giá đúng sự hưởng lợi của nhân dân, và kịp thời xử lý uốn nắn những sai phạm lệch lạc trong quá trình thực hiện.

III. KINH PHÍ

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 và ngân sách địa phương bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên. Lồng ghép các hoạt động của CTMTYT-DS với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ngành y tế giai đoạn 2016-2020 và với các hoạt động, Dự án, Chương trình khác đang cùng được triển khai trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hằng năm Sở Y tế lập dự toán Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; gửi Sở Tài chính thẩm định; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế (Ban quản lý CTMTYT-DS giai đoạn 2016-2020)

- Chỉ đạo các đơn vị chủ dự án thành phần của CTMTYT-DS căn cứ vào tình hình thực hiện các mục tiêu của năm trước, tình hình dịch bệnh, mục tiêu đặt ra của từng Dự án giai đoạn 2016-2020 xây dựng kế hoạch và lập dự toán chi tiết hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, các sở, ban, ngành liên quan, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện CTMTYT-DS trên địa bàn toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung và xây dựng các chính sách mới, bảo đảm cho việc thực hiện các mục tiêu đề ra của Kế hoạch.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện CTMTYT-DS trên địa bàn tỉnh; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Y tế và các sở, ban, ngành liên quan lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của các Dự án của CTMTYT-DS trên địa bàn tỉnh vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm ở cấp tỉnh; hướng dẫn lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu của các Dự án của CTMTYT-DS trên địa bàn tỉnh vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Tài chính cân đối vốn đầu tư phát triển, huy động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức - ODA để thực hiện các Dự án thành phần theo thẩm quyền; thống nhất danh mục và mức vốn đầu tư thực hiện các Dự án thành phần của CTMTYT-DS.

- Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế căn cứ khả năng ngân sách hàng năm, bố trí ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các Dự án thành phần của CTMTYT-DS trên địa bàn tỉnh theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

- Sau khi được phê duyệt “Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu y tế dân số giai đoạn 2016-2020 tỉnh Thanh Hóa”, hàng năm, Sở Y tế lập dự toán chi tiết kinh phí chi từ nguồn ngân sách địa phương gửi Sở Tài chính thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

4. Sở thông tin và Truyền thông:

- Sở thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống đài phát thanh và truyền hình, hệ thống truyền thanh cơ sở tổ chức thông tin, tuyên truyền Kế hoạch triển khai thực hiện CTMTYT-DS trên địa bàn tỉnh đạt kết quả cao.

- Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

5. Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp lồng ghép các hoạt động liên quan để góp phần thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của CTMTYT-DS đề ra.

- Phối hợp với Sở Y tế kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch.

6. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường phối hợp với Sở Y tế thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về y tế trên địa bàn theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương; thực hiện chế độ báo cáo hàng năm việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn theo quy định.

7. Trách nhiệm của các đơn vị chủ dự án thành phần của CTMTYT-DS

- Các đơn vị chủ dự án thành phần theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện các mục tiêu chuyên môn của từng hoạt động, Dự án của Chương trình.

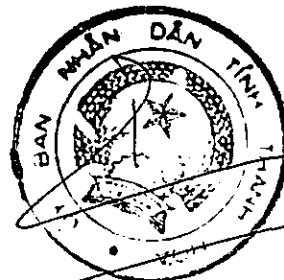
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động, Dự án của Chương trình, định kỳ tổng hợp, báo cáo Sở Y tế và UBND huyện, thị xã, thành phố theo quy định.

Nhận được Kế hoạch này, yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan tích cực triển khai thực hiện. Sở Y tế làm đầu mối, hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn toàn tỉnh, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Y tế theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND các huyện, thị xã, TP (để th/hiện);
- Các sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (để th/hiện);
- Lưu: VT, VXsln.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền